

Bản án số: 02/2020/LĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020
V/v “Tranh chấp đòi tiền lương
ngoài giờ, tiền làm đêm, tiền ăn
giữa ca và tiền lãi chậm trả”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thúy Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-LĐ ngày 16-6-2020 về việc “Tranh chấp đòi tiền lương ngoài giờ, tiền làm đêm, tiền ăn giữa ca và tiền lãi chậm trả” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1959. Địa chỉ: 165/5A đường Trần Cao V, phường Tam Th, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần V**; Địa chỉ: 136 Hàm N, phường B, quận 1, TP Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P; Chức vụ: Phó Trưởng phòng tổ chức - hành chính Xí nghiệp T; theo Giấy ủy quyền số 824/UQ-VTSG ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tổng giám đốc Công ty; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T; Địa chỉ: 236 Hải Ph, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P; Chức vụ: Phó Trưởng phòng tổ chức - hành chính Xí nghiệp T; theo Giấy ủy quyền ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Chi nhánh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn- Ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Tôi làm việc tại Xí nghiệp T (nay là Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T; gọi tắt là Xí nghiệp) trực thuộc Công ty Cổ phần V từ tháng 4 năm 1981

với hợp đồng lao động không có kỳ hạn. Tôi có trình độ Kỹ sư chính, chuyên ngành Toa xe và giữ chức vụ Phó phòng Kỹ thuật của Xí nghiệp (Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến khi nghỉ việc ngày 02 tháng 8 năm 2018). Tôi đang hưởng lương bậc chuyên viên chính 4/4, hệ số 2,37 và hệ số chức vụ 0,15. Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tôi có giấy báo với lãnh đạo xí nghiệp là tôi sẽ nghỉ việc từ ngày 04 tháng 8 năm 2018 nhưng ngày 02 tháng 8 năm 2018, Giám đốc xí nghiệp đã ban hành quyết định số 543/QĐ-TXĐN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với tôi.

Trong quá trình công tác tại xí nghiệp, tôi đã chấp hành nội quy lao động của xí nghiệp và công ty.

Từ tháng 02 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018 (thời gian xảy ra tranh chấp), tôi giữ chức vụ Trạm trưởng Trạm khám xe Đà Nẵng với bậc lương 2,37 và phụ cấp 0,25.

Trước tháng 7 năm 2017, Trạm khám xe Đà Nẵng được Xí nghiệp bố trí khoán lao động cho lãnh đạo trạm là 03 người gồm 01 Trạm trưởng và 02 Trạm phó. Hai Trạm phó thay nhau trực lãnh đạo 24/24, Trạm trưởng làm giờ hành chính trực thay cho các Trạm phó khi nghỉ chủ nhật (mỗi người nghỉ 02 ban/ tháng) và xin nghỉ phép, ốm... Như vậy, mỗi người theo tiêu chuẩn phải trực 13 ban/ tháng và tính đủ công tiêu chuẩn là 26 công/ tháng. Từ tháng 7 năm 2017, Xí nghiệp điều chuyển đi 01 Trạm phó nhưng công việc vẫn giữ nguyên, chế độ không thay đổi. Do vậy, chúng tôi đề nghị hàng tháng Xí nghiệp trả thêm cho mỗi người 03 công / tháng là thời gian ngoài lương khoán của Trạm và đã được Giám đốc ký duyệt để thực hiện từ tháng 7 năm 2017. Tôi và Trạm phó còn lại đã phải thay nhau trực 24/24 (tháng 30 ngày thì mỗi người trực 15 ban và tháng 31 ngày thì có 01 người phải trực 16 ban). Chúng tôi không được nghỉ chủ nhật theo chế độ của nhà nước. Xí nghiệp thực hiện được 04 tháng thì đến tháng 11 năm 2017, Xí nghiệp thông báo không trả tiền công các ngày không nghỉ chủ nhật nữa mà bố trí cho lãnh đạo Trạm được nghỉ bù theo đúng chế độ.

Tuy nhiên, Xí nghiệp không bố trí người thay nên tôi và Trạm phó vẫn phải trực 15 hoặc 16 ban/ tháng mà chỉ được trả công theo chế độ trực 13 ban/tháng. Ngày Tết dương lịch và Tết âm lịch năm 2018 chúng tôi vẫn phải trực bình thường và không được nghỉ theo chế độ.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tôi có việc gia đình nên xin nghỉ bù những ngày chủ nhật của các tháng 11, 12 năm 2017 và các tháng 01, 02, 03 năm 2018 (Tổng số 21 ngày theo chế độ của nhà nước. Còn 01 ngày Tết dương lịch và 05 ngày Tết Âm lịch năm 2018 tôi dự định xin nghỉ vào kỳ sau). Phòng TCHC xác nhận số ngày chủ nhật chưa nghỉ và đồng ý cho nghỉ nhưng phải nghỉ không lương. Tôi không đồng ý nhưng chưa giải quyết được với Xí nghiệp nên tôi không nghỉ.

Sau ngày 02 tháng 8 năm 2018, tôi không còn cơ hội nghỉ bù tại Xí nghiệp.

Ngày 17 tháng 9 và ngày 18 tháng 10 năm 2018, tôi đã gửi đơn yêu cầu Giám đốc Xí nghiệp T thanh toán cho tôi số tiền khi còn làm ở Xí nghiệp mà chưa được trả lương như trình bày ở trên nhưng không được giải quyết.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần V trả cho tôi số tiền 30.606.460đ gồm tiền công làm ngoài giờ, tiền làm đêm, tiền giữa ca trong 27 ngày công lao động và tiền lãi suất do chậm chi trả. Cụ thể các khoản là:

1. Tiền lương ngày công theo lương cơ bản: 54,5 công bao gồm:
 - 06 ngày công làm đúng ngày Tết x 300% = 18 công
 - 21 ngày nghỉ chủ nhật theo chế độ gồm:
 - 10 ngày làm đúng ngày chủ nhật x 200% = 20 công
 - 11 ngày làm ngày thường x 150% = 16,5 côngSố tiền là $(2,62 \times 3.980.000đ) / 26 \text{ công} \times 54,5 \text{ công} = 21.857.853đ$
2. Tiền ăn giữa ca (mỗi tháng 730.000đ/ 26 công):
 $730.000đ / 26 \text{ công} \times 54,5 \text{ công} = 1.530.192đ$
3. Phụ cấp K3 (tháng 13 ban trực đêm bằng 26 công có 70 giờ K3):
 - Số giờ tính K3: $54,5 \text{ công} / 26 \text{ công chuẩn/tháng} \times 70 \text{ giờ} = 147 \text{ giờ}$.
 - Tiền công 01 giờ K3: mỗi giờ tính bằng 30% lương giờ công cơ bản:
 $(2,62 \times 3.980.000đ / 208 \text{ giờ}) \times 30\% \times 147 \text{ giờ} = 2.210.851đ$.Tổng tiền lương, giữa ca và K3: 25.598.896đ.
4. Tiền lãi suất do chậm chi trả (Tạm tính từ ngày 14 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 là 714 ngày với lãi suất 10%/năm):
 $25.598.896đ \times 714 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày/năm} \times 10\%/\text{năm} = 5.007.564đ$
Tổng số tiền Công ty Cổ phần V phải chi trả là: 30.606.460đ (ba mươi triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng).
** Theo văn bản số 828/VTSG-TCCB ngày 30 tháng 6 năm 2020 gửi Tòa án, Bị đơn là Công ty Cổ phần V trình bày:*

Yêu cầu của ông Nguyễn Văn S đòi trả tiền lương ngoài giờ, tiền làm đêm, tiền ăn giữa ca và tiền lãi chậm trả là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật lao động và các quy định trong Nội quy lao động của Xí nghiệp T đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

Công ty Cổ phần V không chấp nhận giải quyết thanh toán số tiền 30.606.460đ mà ông Nguyễn Văn S yêu cầu vì các lý do trên, đã được Chi nhánh Xí nghiệp T báo cáo chi tiết tại Văn bản số 341/TXĐN-TCHC ngày 30 tháng 6 năm 2020 cùng các chứng cứ, tài liệu liên quan.

** Theo văn bản số 341/TXĐN-TC-HC ngày 30 tháng 6 năm 2020 gửi Tòa án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T trình bày:*

Căn cứ theo các quy định của Bộ LĐTB&XH về làm thêm giờ, giữa Xí nghiệp T và ông Nguyễn Văn S không có văn bản nào thỏa thuận làm thêm giờ trong tháng 12 năm 2017; các tháng 01, 02, 03 năm 2018 nên việc đòi tiền lương làm thêm giờ là không có căn cứ. Chế độ ăn giữa ca, phụ cấp làm đêm theo quy định chỉ thanh toán theo ngày, giờ công làm việc thực tế, việc quy đổi công thức theo mức 150%, 200%, 300% là không đúng.

Theo quy định Nội quy lao động Xí nghiệp đã được đăng ký tại Sở LĐTB&XH TP Đà Nẵng (Điều 5) thì người làm theo chế độ ban kíp trong Xí nghiệp như ông S không nghỉ ngày nghỉ hàng tuần, lễ, tết đúng vào ngày lên ban mà sẽ được bố trí luân phiên thay nhau nghỉ chế độ khi xuống ban hoặc bố trí nghỉ 01 đợt bằng số ngày nghỉ hàng tuần trong từng tháng.

Căn cứ theo quy định đó những ngày ông S làm việc đúng Chủ nhật, lễ, Tết, 21 ngày (chủ nhật, lễ, Tết) của tháng 12 năm 2017; các tháng 01, 02, 03 năm 2018

Xí nghiệp phải chi trả lương bình thường theo quy định bằng 100%, phụ cấp làm đêm (30%) theo số giờ làm đêm thực tế, ăn giữa ca theo số công làm việc thực tế, cụ thể số liệu như sau:

STT	Tháng làm việc	Công theo chế độ quy định (công chuẩn)	Công thực tế làm việc; Phụ cấp, ăn giữa ca đã thanh toán	Ghi chú
1	12/2017	26	28	(có 4 công đi công tác)
2	01/2018	26	27	
3	02/2018	24	24	
4	03/2018	27	26,5	

Xí nghiệp gửi kèm bảng chấm công và bảng thanh toán lương của ông S.

Về việc bố trí nghỉ bù chủ nhật, Lễ, Tết đối với ông S thì Xí nghiệp có 01 số ý kiến cụ thể đề nghị Tòa án xem xét như sau:

- Xí nghiệp bố trí nghỉ bù các tháng cho ông S nhưng ông S khi làm việc tại Trạm Khám chữa toa xe Đà Nẵng trong tháng 12 năm 2017; các tháng 01, 02, 03 năm 2018 không có đơn yêu cầu được bố trí nghỉ bù.

Ngày 01 tháng 4 năm 2018, Xí nghiệp điều động ông S về nhận nhiệm vụ tại phòng Kỹ thuật - KCS nhưng đến ngày 16 tháng 4 năm 2018 mới làm đơn xin nghỉ bù 21 ngày khi còn làm tại Trạm Khám chữa Toa xe Đà Nẵng. Ông S yêu cầu những ngày chưa nghỉ đó phải được nghỉ bù kèm theo phải được thanh toán tiền lương thì mới nghỉ, Xí nghiệp chỉ đồng ý giải quyết nghỉ bù không kèm thanh toán lương số ngày chưa nghỉ. Ông S sau đó rút lại đơn không xin nghỉ bù và ngày 02 tháng 8 năm 2018 đã xin nghỉ chấm dứt hợp đồng lao động.

- Việc bố trí cho người lao động nghỉ bù về mặt thủ tục phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 5, khoản III, mục 2 - Nội quy lao động của Xí nghiệp đã quy định thủ tục xin nghỉ phép: mọi trường hợp nghỉ làm việc đều phải có đơn xin nghỉ để Xí nghiệp bố trí người thay thế, với quy định đó ông S đã không thực hiện và không có yêu cầu nghỉ.

Do vậy, Xí nghiệp không chấp nhận giải quyết thanh toán số tiền 30.606.460đ mà ông Nguyễn Văn S yêu cầu vì các lý do đã trình bày ở trên và các chứng cứ, tài liệu liên quan gửi kèm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Tranh

chấp này phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty Cổ phần V có Chi nhánh tại địa chỉ 236 Hải Ph, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng là nơi ông Nguyễn Văn S làm việc. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê có thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2] Theo như ông Nguyễn Văn S trình bày thì ông vào làm việc tại Xí nghiệp T (nay là Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T) trực thuộc Công ty Cổ phần V từ tháng 4 năm 1981 với hợp đồng lao động không có kỳ hạn.

Từ tháng 02 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018 (thời gian xảy ra tranh chấp), ông S giữ chức vụ Trạm trưởng Trạm khám xe Đà Nẵng với bậc lương 2,37 và phụ cấp 0,25. Lãnh đạo trạm gồm 01 Trạm trưởng và 02 Trạm phó, trong đó 02 Trạm phó thay nhau trực 24/24, còn Trạm trưởng làm giờ hành chính trực thay cho các Trạm phó khi nghỉ chủ nhật.

Tháng 7 năm 2017, Xí nghiệp điều chuyển đi 01 Trạm phó nhưng công việc vẫn giữ nguyên nên ông S và Trạm phó còn lại đã phải thay nhau trực 24/24, không được nghỉ chủ nhật. Hàng tháng Xí nghiệp trả thêm cho mỗi người 03 công/tháng là thời gian ngoài lương khoán của Trạm. Thực hiện được 04 tháng thì đến tháng 11 năm 2017, Xí nghiệp thông báo không trả tiền công các ngày không nghỉ chủ nhật nữa mà bố trí cho lãnh đạo Trạm được nghỉ bù theo đúng chế độ. Ông S và 01 Trạm phó vẫn phải trực 15 hoặc 16 ban/tháng mà chỉ được trả công theo chế độ trực 13 ban/tháng. Ngày Tết dương lịch và Tết âm lịch năm 2018 hai người vẫn phải trực bình thường và không được nghỉ theo chế độ.

[3] Ngày 16 tháng 4 năm 2018, ông S có làm đơn xin nghỉ bù những ngày chủ nhật của các tháng 11, 12 năm 2017 và các tháng 01, 02, 03 năm 2018 (tổng số 21 ngày theo chế độ của nhà nước). Còn 01 ngày Tết dương lịch và 05 ngày Tết Âm lịch năm 2018 ông S dự định xin nghỉ vào kỳ sau. Phòng tổ chức hành chính xác nhận số ngày chủ nhật chưa nghỉ và đồng ý cho nghỉ nhưng phải nghỉ không lương. Do không đồng ý nhưng chưa giải quyết được với Xí nghiệp nên ông S không nghỉ.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, Giám đốc Xí nghiệp T đã ban hành quyết định số 543/QĐ-TXĐN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Văn S nên ông không còn cơ hội nghỉ bù tại Xí nghiệp.

[4] Do vậy, nay ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần V trả cho ông tiền công làm ngoài giờ, tiền làm đêm, tiền giữa ca trong 27 ngày công lao động nói trên và tiền lãi suất do chậm chi trả với tổng số tiền là 30.606.460đ (ba mươi triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng).

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần V và Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S vì cho rằng ông S đã được thanh toán tiền lương và mọi chế độ của 27 ngày công lao động mà ông S đang khởi kiện và việc Phòng tổ chức hành chính của Xí nghiệp ký xác nhận số ngày chủ nhật chưa nghỉ như ông S trình bày chỉ là quan hệ cá nhân của ông S và người ký đó chứ không phải là xác nhận của Công ty hay Xí nghiệp nên không có giá trị.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn S thì thấy:

Căn cứ Hợp đồng lao động ngày 01 tháng 9 năm 1997 giữa Xí nghiệp T với ông Nguyễn Văn S và Quyết định số 543/QĐ-TXĐN ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nội dung ông S trình bày về quá trình làm việc ở Xí nghiệp T như trên là đúng.

[7] Căn cứ Đơn đề nghị bố trí nghỉ bù ngày 16 ngày 4 năm 2018 của ông Nguyễn Văn S có nội dung xin nghỉ bù những ngày chủ nhật của các tháng chưa nghỉ là:

- Chủ nhật của các tháng 11, 12 năm 2017 = 09 ngày
- Chủ nhật của các tháng 01, 02, 3 năm 2018 = 12 ngày

Tổng cộng 21 ngày.

Phòng tổ chức hành chính ghi: "Số ngày nghỉ chủ nhật chưa nghỉ của ông Nguyễn Văn S theo đơn là đúng. Phòng TCHC kính đề nghị Giám đốc xét duyệt cho nghỉ bù chủ nhật (không hưởng lương), tổng số là 21 ngày".

[8] Mặc dù Đơn đề nghị này không có xác nhận đóng dấu của Xí nghiệp nhưng tại văn bản số 341/TXĐN-TC-HC ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T có nội dung:

" Ngày 01 tháng 4 năm 2018, Xí nghiệp điều động ông S về nhận nhiệm vụ tại phòng Kỹ thuật - KCS nhưng đến ngày 16 tháng 4 năm 2018 mới làm đơn xin nghỉ bù 21 ngày khi còn làm tại Trạm Khám chữa Toa xe Đà Nẵng. Ông S yêu cầu những ngày chưa nghỉ đó phải được nghỉ bù kèm theo phải được thanh toán tiền lương thì mới nghỉ, Xí nghiệp chỉ đồng ý giải quyết nghỉ bù không kèm thanh toán lương số ngày chưa nghỉ. Ông S sau đó rút lại đơn không xin nghỉ bù và ngày 02 tháng 8 năm 2018 đã xin nghỉ chấm dứt hợp đồng lao động."

[9] Do vậy, Hội đồng xét xử xác định thời gian 06 ngày công làm đúng ngày Tết 21 ngày công làm vào ngày nghỉ chủ nhật, tổng cộng 27 ngày công như ông S trình bày là đúng và ông S chưa nghỉ bù, chưa được trả công cho những ngày làm việc này.

[10] Căn cứ quy định tại Điều 114 Bộ luật Lao động và Khoản 8 Điều 10 của Quy chế trả lương số 502/QĐ-TXĐN ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T thì người lao động được trả tiền lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm. Do vậy, Công ty Cổ phần V phải trả lương cho ông S và các chế độ khác kèm theo của 27 ngày công lao động ông đã làm nhưng chưa được trả công và chưa được nghỉ bù do đã thôi việc. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể như sau:

[11] Theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Lao động và Khoản 2, 8 Điều 10 của Quy chế trả lương số 502/QĐ-TXĐN ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T, những ngày làm việc đó của ông S được tính công như sau:

- 06 ngày công làm đúng ngày Tết x 300% = 18 công
- 21 ngày nghỉ chủ nhật theo chế độ gồm:
10 ngày làm đúng ngày chủ nhật x 200% = 20 công

11 ngày làm ngày thường x 150% = 16,5 công

Tổng cộng là 54,5 công.

[12] Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-TXĐN ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T thì ông Nguyễn Văn S có chức danh: Trạm trưởng; đơn vị: Trạm khám chữa toa xe Đà Nẵng; bậc lương 4/4, hệ số lương: 2,37, mức lương: 9.432.600đ; phụ cấp chức vụ, hệ số: 0,25; mức phụ cấp: 995.000đ; thời gian hưởng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Mức lương tối thiểu vùng năm 2018 quy định tại Nghị định 141/2017/NĐ-CP áp dụng đối với người lao động như ông S là 3.980.000đ.

Ngày công tiêu chuẩn trong tháng theo Nội quy lao động ngày 14 tháng 8 năm 2013 của Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T là 26 ngày (công) / tháng, tương đương 208 giờ / tháng.

Trên cơ sở đó, tính ra số tiền ông S đã làm 54,5 công là:

$((2,37+0,25) \times 3.980.000\text{đ}) / 26 \text{ công} \times 54,5 \text{ công} = \mathbf{21.857.853\text{đ}}$.

[13] Căn cứ Quy định theo số 246/QyĐ-TXĐN ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp T thì mức tiền ăn giữa ca Công ty quy định là 730.000đ/người/tháng tương ứng với số ngày công tiêu chuẩn trong tháng là 26 công. Như vậy, tiền ăn giữa ca ông S đã làm 54,5 công là:

$730.000\text{đ} / 26 \text{ công} \times 54,5 \text{ công} = \mathbf{1.530.192\text{đ}}$.

[14] Căn cứ Khoản 3 Điều 10 của Quy chế trả lương số 502/QĐ-TXĐN ngày 23 tháng 9 năm 2015 quy định về trả lương khi làm việc vào ban đêm (tức là phụ cấp K3) là bằng 130% của tiền lương làm việc vào ban ngày.

Theo ông S trình bày 26 công/ tháng có 70 giờ K3 thì 54,5 công có:

$54,5 \text{ công} \times 70 \text{ giờ K3} / 26 \text{ công} = 147 \text{ giờ K3}$

Tính ra tiền làm việc ban đêm ông S là:

$((2,37+0,25) \times 3.980.000\text{đ}) / 208 \text{ giờ} \times 30\% \times 147 \text{ giờ} = \mathbf{2.210.851\text{đ}}$.

[15] Như vậy, tổng số tiền Công ty phải chi trả cho ông S 03 khoản trên bằng 25.598.896đ.

[16] Căn cứ quy định tại Điều 96 Bộ luật Lao động thì trường hợp người sử dụng lao động chậm trả tiền lương cho người lao động thì phải chịu thêm một khoản tiền theo lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm trả lương. Hiện nay, mức lãi suất này là 4,25%/năm quy định tại Quyết định số 919/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (tức là 4,25%/ 365 ngày). Do vậy, mức lãi suất 10%/năm mà nguyên đơn yêu cầu là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 4,25%/năm, được tính từ ngày 14 tháng 8 năm 2018 đến ngày 17 tháng 9 năm 2020 là 764 ngày là:

$25.598.896\text{đ} \times 4,25\% / 365 \text{ ngày} \times 764 \text{ ngày} = 2.277.250\text{đ}$.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần V phải trả cho ông Nguyễn Văn S là 27.876.146đ.

[17] Về án phí lao động sơ thẩm:

Các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định là:

$27.876.146\text{đ} \times 3\% \sim 836.000\text{đ}$.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, 35, 40, 63, 147, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 96, 97, 102, 104, 105, 106, 114 Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp đòi tiền lương ngoài giờ, tiền làm đêm, tiền ăn giữa ca và tiền lãi chậm trả” của ông Nguyễn Văn S.

Buộc Công ty Cổ phần V phải trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền là **27.876.146đ** (hai mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Cổ phần V phải nộp án phí là 836.000đ (tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002064 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai